

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2019/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2019

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng phương tiện thủy nội địa trong các khu du lịch và bến khách ngang sông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17/6/2014;

Căn cứ Luật Du lịch ngày 19/6/2017;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 110/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa; Nghị định 128/NĐ-CP ngày 24/9/2018 của Chính Phủ, sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30/06/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 80/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên đường thủy nội địa; Thông tư số 59/2015/TT-BGTVT ngày 30/10/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 80/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 22/2012/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 26/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể

thao và Du lịch quy định về bảo đảm an toàn giao thông trong hoạt động vận tải hành khách du lịch bằng phương tiện thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BGTVT ngày 10/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về trang bị và sử dụng áo phao cứu sinh, dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân trên phương tiện vận tải hành khách ngang sông;

Căn cứ Thông tư số 43/2012/TT-BGTVT ngày 23/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định các yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với tàu thủy lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi;

Căn cứ Thông tư số [83/2015/TT-BGTVT](#) ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức và hoạt động của Cảng vụ đường thủy nội địa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số /TTr-SGTVT ngày / /2019, Về việc ban hành Quy định tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng phương tiện thủy nội địa trong các khu du lịch và bến khách ngang sông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng phương tiện thủy nội địa trong các khu du lịch và bến khách ngang sông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày / /2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giao thông vận tải;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Vụ Pháp chế - Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Báo Đắk Lắk, Đài PT&TH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

DỰ THẢO

QUY ĐỊNH

TỔ CHỨC, QUẢN LÝ, KHAI THÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA TRONG CÁC KHU DU LỊCH VÀ BẾN KHÁCH NGANG SÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2019/QĐ-UBND ngày
tháng năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy định này quy định một số nội dung của việc tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động kinh doanh vận tải hành khách đường thủy nội địa trong các khu du lịch và bến khách ngang sông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.
- Đối với hoạt động vận tải đường thủy nội địa trong các khu du lịch và bến khách ngang sông phục vụ An ninh, Quốc phòng và phòng chống lũ, bão, thiên tai không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.
- Những nội dung không nêu trong Quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành khác của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị, tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp có liên quan đến công tác quản lý và khai thác hoạt động kinh doanh vận tải trong các khu du lịch và bến khách ngang sông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền* gồm: Sở Giao thông vận tải; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện).
- Đơn vị kinh doanh vận tải hành khách* trong các khu du lịch và bến khách ngang sông là tổ chức, hộ cá thể tham gia kinh doanh vận tải hành khách đường thủy nội địa tại các khu du lịch và bến khách ngang sông (sau đây gọi tắt là đơn vị kinh doanh vận tải).

3. *Khu du lịch* là nơi có tài nguyên du lịch hấp dẫn với ưu thế về tài nguyên du lịch tự nhiên, được quy hoạch, đầu tư phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách du lịch, đem lại hiệu quả về kinh tế - xã hội và môi trường.

4. *Hoạt động kinh doanh vận tải hành khách trong các khu du lịch* là hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng phương tiện thủy nội địa hoạt động trong vùng nước tại các sông, suối, hồ, kênh, rạch, đầm thuộc khu du lịch (trừ các hồ, ao nhân tạo khép kín) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

5. *Bến khách du lịch đường thủy* là bến thủy nội địa để phương tiện vận tải hành khách du lịch đường thủy neo đậu đón trả khách và thực hiện các dịch vụ khác (nếu có).

6. *Khu vực neo đậu* là phạm vi neo đậu của phương tiện vận tải hành khách thủy. Khu vực neo đậu có 2 loại là khu vực neo đậu công cộng và khu vực neo đậu cá nhân.

7. *Phương tiện vận tải hành khách đường thủy nội địa trong khu du lịch và bến khách ngang sông* là phương tiện thủy vận tải hành khách đường thủy nội địa, gồm: tàu, thuyền, đò và các cấu trúc nổi khác trừ dụng cụ nổi cá nhân, có động cơ hoặc không có động cơ dùng để chở người, hoạt động vận tải hành khách trong các khu du lịch và bến khách ngang sông.

8. *Phương tiện thủy thô sơ* là phương tiện không có động cơ chỉ di chuyển bằng sức người hoặc sức gió, sức nước.

9. *Phương tiện lưu trú* là phương tiện vận tải hành khách đường thủy nội địa có buồng ngủ hoặc phòng ngủ có cơ sở vật chất, trang thiết bị, dịch vụ để phục vụ lưu trú du lịch.

10. *Người lái phương tiện vận tải hành khách* là người trực tiếp điều khiển phương tiện chở hành khách trong các khu du lịch và bến ngang sông.

11. *Bến khách ngang sông (gồm bến nằm trên sông, hồ, kênh, rạch, đầm)* là bến thủy nội địa, nơi để đón và trả khách, hàng hóa, phương tiện đi cùng hành khách từ bờ bên này sang bờ bên kia.

12. *Chủ bến* là tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng bến hoặc được chủ đầu tư giao quản lý bến.

13. *Đơn vị khai thác bến* là tổ chức, cá nhân sử dụng bến để kinh doanh, khai thác.

Chương II

TỔ CHỨC, QUẢN LÝ, KHAI THÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA TRONG CÁC KHU DU LỊCH

Điều 4. Đơn vị kinh doanh vận tải hành khách trong các khu du lịch

1. Đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 110/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa; Nghị định số 128/NĐ-CP ngày 24/9/2018 của Chính Phủ, sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa.

2. Phương tiện của các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách trong các khu du lịch phải neo đậu tại các bến được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động.

Điều 5. Hoạt động kinh doanh vận tải khách trong các khu du lịch

1. Hoạt động kinh doanh vận tải hành khách trong khu du lịch, bao gồm:

- a) Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định.
- b) Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng chuyến.
- c) Kinh doanh vận tải khách du lịch.

2. Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định trong khu du lịch là việc tổ chức, cá nhân vận chuyển hành khách từ bến này đến bến kia theo tuyến, hành trình, lịch trình nhất định trong khu du lịch; việc thu cước vận tải được thực hiện theo hình thức bán vé; vé hành khách do tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải tự in ấn, phát hành theo mẫu quy định tại Thông tư số 80/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên đường thủy nội địa; việc đăng ký giá vé, kê khai, niêm yết được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

3. Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng theo chuyến là việc tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải và người thuê vận tải thỏa thuận vận tải theo chuyến trong phạm vi khu du lịch; việc thu cước vận tải theo giá trị hợp đồng hoặc do hai bên tự thỏa thuận.

4. Kinh doanh vận tải khách du lịch là việc tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải cung cấp dịch vụ vận chuyển cho khách du lịch theo tuyến du lịch, theo chương trình du lịch của các đơn vị lữ hành tại các khu du lịch.

Điều 6. Quản lý hoạt động kinh doanh vận tải hành khách trong các khu du lịch

Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý hoạt động kinh doanh vận tải hành khách trong các khu du lịch thuộc phạm vi địa giới hành chính thuộc huyện hoặc có liên quan đến địa giới hành chính của tỉnh, huyện lân cận.

Điều 7. Điều kiện về bến khách du lịch đường thủy nội địa, khu vực neo đậu

1. Bến khách du lịch đường thủy ngoài việc thực hiện theo quy định tại Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý hoạt động của cảng, bến thủy nội địa phải thực hiện các quy định sau:

a) Phải có bảng thông tin về chương trình, sản phẩm du lịch đường thủy được bán và phục vụ tại bến; bảng hướng dẫn lối đi; bảng thông tin về giờ hoạt động của các phương tiện, luồng tuyến du lịch đường thủy; bảng giá các dịch vụ bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

b) Có trang thiết bị, điều kiện phòng cháy chữa cháy theo quy định.

c) Có nhà vệ sinh công cộng đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường.

d) Khuyến khích có thêm các tiện nghi, tiện ích và dịch vụ kèm thêm phục vụ nhu cầu của hành khách du lịch nhưng không làm thay đổi công năng chính của bến khách du lịch đường thủy.

e) Được cơ quan có thẩm quyền công bố hoặc cấp giấy phép hoạt động theo quy định về quản lý bến thủy nội địa.

2. Khu vực neo đậu

a) Đối với khu vực neo đậu công cộng, ngoài thực hiện quy định tại Khoản 1 của Điều này phải có đủ trang thiết bị đảm bảo neo đậu an toàn, có phương tiện cứu hộ, cứu nạn.

b) Đối với khu vực neo đậu phương tiện vận tải hành khách đường thủy cá nhân ngoài thực hiện quy định Điểm a Khoản 1 của Điều này phải có đủ trang thiết bị đảm bảo neo đậu an toàn.

c) Đảm bảo dịch vụ hậu cần cần thiết, bao gồm nhiên liệu, nước, điện, thu gom rác thải cho các phương tiện vận tải hành khách du lịch đường thủy neo đậu.

Điều 8. Điều kiện phương tiện hoạt động kinh doanh vận tải trong các khu du lịch

1. Đảm bảo điều kiện hoạt động theo quy định tại Khoản 7 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014.

2. Trang bị đầy đủ thiết bị kỹ thuật an toàn, hệ thống thông tin liên lạc, phao cứu sinh và dụng cụ nổi cá nhân, thiết bị phòng cháy và chữa cháy đảm bảo hoạt động tốt.

3. Đối với phương tiện là tàu thủy lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi ngoài thực hiện các quy định trong Quy định này phải thực hiện các yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường tại Thông tư số 43/2012/TT-BGTVT ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

4. Đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 1 tấn hoặc có sức chở dưới 5 người phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Thân phương tiện phải chắc chắn, không bị rò nước vào bên trong.

b) Bố trí đủ chỗ ngồi cho hành khách cân bằng trên phương tiện và bố trí đủ áo phao hoặc dụng cụ cứu sinh cho số người được phép chở trên phương tiện.

Điều 9. Quy định về khai thác trong hoạt động du lịch đường thủy

1. Khuyến khích các nhà đầu tư tham gia khai thác các cơ sở hạ tầng du lịch đường thủy, điểm du lịch văn hóa, lịch sử nhằm giữ gìn và khai thác các giá trị nhân văn, môi trường sinh thái phục vụ phát triển du lịch đường thủy, đồng thời đảm bảo tuân thủ pháp luật hiện hành và phù hợp với quy hoạch của tỉnh.

2. Phát triển du lịch đường thủy phải đảm bảo an toàn, trật tự, vệ sinh và văn minh; đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong kinh doanh du lịch đường thủy.

Điều 10. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh vận tải trong khu du lịch

1. Có trách nhiệm tuyển dụng, ký hợp đồng lao động với người đáp ứng tiêu chuẩn về chứng chỉ, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với chức danh công việc thực hiện theo quy định của pháp luật; bố trí đủ các chức danh, định biên thuyền viên làm việc trên phương tiện phù hợp với thời gian làm việc trong ngày.

2. Chấp hành nghiêm túc Luật Giao thông đường thủy nội địa; các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường liên quan tới hoạt động của phương tiện vận tải thủy nội địa.

3. Đảm bảo các điều kiện an toàn phòng cháy, chữa cháy, trang bị phương tiện chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; nắm vững và tổ chức phổ biến cho thuyền viên pháp luật và kiến thức phòng cháy, chữa cháy, hướng dẫn cách thao tác sử dụng các phương tiện chữa cháy và cứu nạn cứu hộ; tham gia chữa cháy và cứu nạn cứu hộ khi được các cơ quan chức năng huy động.

4. Lập danh sách hành khách theo mẫu quy định tại Thông tư số 80/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên đường thủy nội địa.

5. Trang bị, lắp đặt đầy đủ trang thiết bị cứu sinh, dụng cụ nổi, cứu hỏa tại những vị trí theo thiết kế của phương tiện; đối với những phương tiện đóng không có thiết kế thì phải lắp đặt tại những vị trí dễ thấy, dễ lấy trên phương tiện.

6. Thông báo tại bến thời gian hoạt động trong ngày của phương tiện để hành khách biết.

7. Niêm yết bảng nội quy đi tàu (áp dụng cho hành khách), bản hướng dẫn sử dụng trang thiết bị cứu sinh, cứu hỏa và lối thoát hiểm tại những nơi dễ thấy trên phương tiện.

8. Phục vụ hành khách văn minh, lịch sự.

9. Không dùng phương tiện thủy nội địa hoạt động, kinh doanh lữ hành khi chưa đủ điều kiện kinh doanh lữ hành theo quy định hiện hành của pháp luật.

10. Chỉ ký kết hợp đồng du lịch với doanh nghiệp lữ hành đủ điều kiện kinh doanh lữ hành và yêu cầu doanh nghiệp lữ hành cung cấp thông tin chi tiết lộ trình của phương tiện và danh sách khách du lịch cho Ủy ban nhân cấp huyện quản lý bến khách đường thủy nội địa.

11. Khi ngừng hoạt động phải có văn bản thông báo gửi đến cơ quan có thẩm quyền quản lý hoạt động kinh doanh vận tải trong khu du lịch và đơn vị trực tiếp quản lý khu du lịch trước 05 ngày.

12. Định kỳ hàng tháng (trước ngày 30) tổng hợp, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh vận tải hành khách trong khu du lịch gửi Sở Giao thông vận

tải, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo mẫu quy định tại *Phụ lục 1* ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 11. Trách nhiệm của chủ bến khách du lịch, khu vực neo đậu và người khai thác bến khách du lịch, khu vực neo đậu

1. Đối với chủ bến khách du lịch và người khai thác bến khách du lịch

a) Thực hiện chức năng chuyên ngành về giao thông vận tải đường thủy nội địa tại bến thủy nội địa trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

b) Chấp hành các quy định tại Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

c) Đảm bảo các điều kiện được quy định tại Khoản 1 Điều 8 Quy định này.

2. Đối với chủ khu vực neo đậu và đơn vị khai thác khu vực neo đậu

a) Thực hiện quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

b) Thực hiện nghiêm túc các quy định tại Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

c) Trang bị đầy đủ thiết bị kỹ thuật an toàn, hệ thống thông tin liên lạc, thiết bị phòng cháy và chữa cháy đảm bảo hoạt động tốt.

Điều 12. Trách nhiệm của thuyền trưởng, thuyền viên và người lái phương tiện

1. Trách nhiệm chung

a) Khi tham gia giao thông chấp hành nghiêm Luật Giao thông đường thủy nội địa, các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường liên quan tới hoạt động của phương tiện vận tải thủy nội địa.

b) Xử lý tai nạn trong vùng nước bến du lịch thủy theo quy định tại Điều 28 Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định quản lý hoạt động của cảng, bến thủy nội địa.

2. Trách nhiệm của thuyền trưởng

a) Chịu trách nhiệm cao nhất về an toàn, an ninh trật tự trong suốt hành trình.

b) Chỉ nhận khách có giấy tờ tùy thân hợp lệ, đúng với danh sách hành khách, không chở hành khách quá sức chở của phương tiện.

c) Thực hiện đúng lịch trình, hành trình đã đăng ký hoặc theo sự thỏa thuận của hành khách; trong trường hợp có sự thay đổi phải được hành khách đồng ý và phải thông báo đến cơ quan quản lý hoạt động kinh doanh vận tải hành khách trong các khu du lịch hoặc Ban Quản lý khu du lịch.

3. Trách nhiệm của thuyền viên và người lái phương tiện

a) Thực hiện đầy đủ phạm vi trách nhiệm theo chức danh, chấp hành nghiêm chỉnh mệnh lệnh của thuyền trưởng hoặc người chỉ huy trực tiếp.

b) Trước khi phương tiện khởi hành phải kiểm tra điều kiện bảo đảm an toàn giao thông đường thủy; phổ biến cho hành khách cách sử dụng áo phao cứu sinh, dụng cụ cứu sinh, cứu dầm, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường và các quy định cần thiết khác.

c) Báo cáo kịp thời cho thuyền trưởng hoặc người chỉ huy trực tiếp khi phát hiện sự cố bất thường trên phương tiện.

d) Khi vào khu vực bến khách du lịch đường thủy phải tuân theo sự điều khiển và hướng dẫn của Cơ quan có thẩm quyền quản lý bến khách đường thủy nội địa theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý hoạt động của cảng, bến thủy nội địa.

Điều 13. Trách nhiệm của nhân viên phục vụ và hành khách

1. Trách nhiệm của nhân viên phục vụ

a) Thực hiện đầy đủ phạm vi trách nhiệm theo công việc được giao, chấp hành nghiêm chỉnh mệnh lệnh của thuyền trưởng hoặc người chỉ huy trực tiếp.

b) Tham gia bảo đảm an ninh trật tự, an toàn cho người và tài sản của hành khách trên suốt hành trình.

c) Thực hiện cứu hộ, cứu nạn khi phương tiện khác đang hoạt động gặp sự cố trong khu du lịch hoặc trong khu vực cùng neo đậu.

2. Trách nhiệm của hành khách

a) Chấp hành nghiêm túc quy định về an ninh trật tự, nội quy vận tải hành khách trong khu du lịch và hướng dẫn thực hiện các biện pháp an toàn của thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện.

- b) Mua vé hành khách hoặc trả cước phí vận tải theo đúng quy định.
- c) Khai đúng họ, tên, địa chỉ của mình và trẻ em đi kèm (nếu có) khi người kinh doanh vận tải hoặc người có trách nhiệm lập danh sách hành khách.
- d) Có mặt tại nơi xuất phát đúng thời gian quy định hoặc đã thỏa thuận.
- đ) Không mang theo hành lý thuộc loại hàng hóa mà pháp luật cấm lưu thông, cấm vận tải chung với người.

Điều 14. Xử lý các trường hợp phát sinh

1. Trường hợp lỗi do tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải được thực hiện theo Điều 15 Thông tư số 80/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên đường thủy nội địa.
2. Trường hợp bất khả kháng được thực hiện theo Điều 16 Thông tư số 80/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
3. Việc xử lý tai nạn đối với tổ chức, cá nhân liên quan trong vùng nước thuộc khu du lịch được thực hiện theo quy định của pháp luật về Giao thông đường thủy nội địa.

Chương III

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG BẾN KHÁCH NGANG SÔNG

Điều 15. Đầu tư xây dựng bến khách ngang sông

1. Việc đầu tư xây dựng bến khách ngang sông phải tuân thủ những quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng; phòng cháy, chữa cháy; bảo vệ môi trường; tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, bảo đảm an toàn giao thông và các quy định có liên quan khác trong quá trình tổ chức quản lý và hoạt động.
2. Việc đầu tư xây dựng bến khách ngang sông phải phù hợp với quy hoạch bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đã được phê duyệt.
3. Được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương xây dựng bến khách ngang sông theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa.

Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị chấp thuận xây dựng bến khách ngang sông chưa có trong quy hoạch hoặc có sự khác nhau so với quy hoạch nhưng rất cần thiết cho phục vụ đời sống dân sinh thì cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương phải báo cáo xin ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh trước khi chấp thuận.

4. Nhà nước khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng mới hoặc đầu tư nâng cấp, cải tạo bến khách ngang sông đang khai thác.

Điều 16. Điều kiện hoạt động bến khách ngang sông

1. Bến không nằm trong khu vực cấm xây dựng theo quy định của pháp luật; có địa hình, thủy văn ổn định bảo đảm cho phương tiện hoạt động an toàn, thuận lợi.

2. Có đường, cầu dẫn đảm bảo cho người, phương tiện giao thông đường bộ lên xuống an toàn, thuận tiện; có đủ thiết bị để phương tiện chở khách từ bờ bên này sang bờ bên kia neo buộc chắc chắn, an toàn; có đèn chiếu sáng nếu hoạt động ban đêm; có nơi chờ cho hành khách; có bảng niêm yết giá vé, có bảng nội quy bến khách ngang sông.

3. Bến khách ngang sông có phương tiện thủy nội địa lưu thông dọc sông phải lắp đặt báo hiệu đường thủy nội địa.

4. Được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa.

Điều 17. Điều kiện phương tiện và người điều khiển phương tiện vận tải tại bến khách ngang sông

1. Phương tiện vận tải khách ngang sông

a) Đảm bảo điều kiện hoạt động theo quy định tại Điều 24 Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và các điểm sửa đổi, bổ sung tại Khoản 7 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014.

b) Đối với phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 1 tấn hoặc có sức chở dưới 5 người khi hoạt động tại bến khách ngang sông phải đảm bảo điều kiện: Thân phương tiện phải chắc chắn, không bị thủng, không bị rò nước vào bên trong; có một đèn chiếu sáng màu trắng nếu phương tiện hoạt động vào ban

đêm; phương tiện chở người phải có đủ chỗ cho người ngồi cân bằng trên phương tiện.

c) Trang bị đủ số lượng áo phao, dụng cụ nổi cá nhân, đảm bảo đáp ứng đủ số lượng cho tất cả mọi người được chở trên phương tiện (bao gồm hành khách, thuyền viên và người lái phương tiện). Áo phao và dụng cụ nổi cá nhân phải đảm bảo chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn quy định, được bảo quản khô ráo, sạch sẽ, bảo đảm tính năng an toàn kỹ thuật khi sử dụng và phải để ở chỗ thuận tiện, dễ nhìn thấy, dễ lấy, không làm che khuất tầm nhìn của người điều khiển phương tiện.

2. Người điều khiển phương tiện vận tải khách tại bến khách ngang sông

a) Đảm bảo trong độ tuổi theo quy định tại Điều 35 Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004.

b) Có giấy chứng nhận học tập pháp luật giao thông đường thủy nội địa hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn phù hợp với phương tiện điều khiển do cơ quan có thẩm quyền cấp; đủ tiêu chuẩn về sức khỏe theo quy định của Bộ Y tế và phải biết bơi.

Điều 18. Trách nhiệm của chủ bến khách ngang sông

1. Lập thủ tục đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng bến khách ngang sông theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

2. Duy trì điều kiện hoạt động của bến khách ngang sông theo quy định tại Điều 16 Quy định này.

3. Trường hợp cho thuê khai thác bến khách ngang sông thì phải thực hiện ký hợp đồng với đơn vị khai thác bến theo quy định của pháp luật.

4. Định kỳ 6 tháng (trước 20/6) và cả năm (trước 20/12) tổng hợp, báo cáo về tình hình hoạt động của bến khách ngang sông cho Ủy ban nhân dân cấp huyện theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 19. Trách nhiệm của đơn vị khai thác bến khách ngang sông

1. Chấp hành các quy định bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ và phòng chống lụt bão.

2. Xây dựng phương án cứu hộ, cứu nạn tại bến khách ngang sông, thực hiện việc cứu người, hành lý, phương tiện khi xảy ra tai nạn; phối hợp với Ủy

ban nhân dân cấp xã, lực lượng công an, thanh tra giao thông vận tải và cơ quan chuyên môn của cấp huyện giải quyết, khắc phục hậu quả tai nạn.

3. Chấp hành sự trưng dụng bến khách ngang sông khi có yêu cầu của Ban Chỉ huy phòng chống lụt, bão các cấp hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã trong trường hợp khẩn cấp cứu người, hàng hóa, phương tiện khi xảy ra tai nạn, thiên tai, địch họa hoặc khi có bão, lũ.

4. Không để phương tiện không đảm bảo an toàn kỹ thuật, không đủ giấy tờ quy định, người điều khiển phương tiện không có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoạt động trong phạm vi vùng nước của bến khách ngang sông. Chịu sự kiểm tra, giám sát và xử lý của cơ quan có thẩm quyền trong lĩnh vực trật tự an toàn giao thông.

5. Thống nhất với chủ khai thác bến ngang sông trên bờ đối diện phương án điều hành, giá cước theo quy định để bảo đảm tính đồng bộ của hoạt động vận tải khách ngang sông tại bến và trật tự, an toàn trong quá trình khai thác; thực hiện đầy đủ trách nhiệm về tài chính theo quy định.

6. Trường hợp chấm dứt hoạt động, chủ khai thác bến phải thông báo cho Sở Giao thông vận tải để ra quyết định đình chỉ hoạt động bến khách ngang sông.

7. Định kỳ 6 tháng (trước 20/6) và cả năm (trước 20/12) tổng hợp, báo cáo về tình hình hoạt động của bến khách ngang sông cho Ủy ban nhân dân cấp huyện theo mẫu quy định tại *Phụ lục 3* ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 20. Trách nhiệm của chủ phương tiện vận tải bến khách ngang sông

1. Đo đạc kích thước cơ bản, xác định sức chở, sơn vạch dấu mớn nước an toàn cho phương tiện theo quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 24 Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 7 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014.

2. Duy trì và bảo đảm các điều kiện an toàn của phương tiện, giao phương tiện cho người có đủ điều kiện điều khiển theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Quy định này.

3. Chuẩn bị đủ áo phao, phao cứu sinh và dụng cụ nổi cá nhân theo số lượng hành khách được phép chở của phương tiện; yêu cầu người lái phương

tiện không được chở quá trọng tải cho phép, chở hàng hóa độc hại, dễ cháy, nổ, động vật lớn chung với hành khách, động vật bị dịch bệnh.

4. Chấp hành sự trưng dụng phương tiện khi có yêu cầu của các cơ quan chức năng có thẩm quyền trong trường hợp khẩn cấp cứu người, hàng hóa, phương tiện khi xảy ra tai nạn hoặc khi có bão, lũ.

Điều 21. Trách nhiệm của người điều khiển phương tiện vận tải bến khách ngang sông

1. Khi điều khiển phương tiện thủy nội địa phải mang theo giấy chứng nhận khả năng chuyên môn phù hợp với phương tiện điều khiển và các giấy tờ liên quan đến phương tiện được cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. Kiểm tra các điều kiện an toàn của phương tiện; hướng dẫn hành khách lên xuống phương tiện, sắp xếp chỗ ngồi cho hành khách, hàng hóa gọn gàng, cân bằng trên phương tiện; trợ giúp đối với hành khách là người tàn tật, người già, trẻ em và phụ nữ có thai hoặc có con nhỏ; yêu cầu hành khách trên phương tiện sử dụng áo phao, dụng cụ nổi cá nhân theo đúng quy định trước khi cho phương tiện rời bến.

3. Không được để hành khách xuống phương tiện quá số lượng quy định.

4. Từ chối chuyên chở đối với những hành khách không tuân thủ việc mặc áo phao hoặc sử dụng dụng cụ nổi cá nhân theo hướng dẫn.

5. Tham gia cứu người, hàng hóa, phương tiện khi xảy ra tai nạn trong khu vực phương tiện đang hoạt động tại bến khách ngang sông; là người cuối cùng rời phương tiện nếu phương tiện bị đắm.

6. Quản lý tài sản, các giấy tờ liên quan đến phương tiện do mình điều khiển; nắm vững tình hình luồng lạch, dòng chảy và điều kiện an toàn của bến khách ngang sông nơi phương tiện hoạt động.

7. Chịu trách nhiệm về các sự cố hoặc tai nạn giao thông xảy ra trong quá trình phương tiện neo đậu, vận chuyển hành khách tại bến ngang sông.

Điều 22. Trách nhiệm của hành khách khi tham gia giao thông tại bến khách ngang sông

1. Chấp hành sự hướng dẫn của thuyền viên và người lái phương tiện.

2. Sử dụng áo phao, phao cứu sinh và dụng cụ nổi cá nhân trên phương tiện theo đúng quy cách.

3. Giữ gìn vệ sinh môi trường, không xả rác và các chất bẩn khác ở khu vực bến khách ngang sông.

4. Giúp đỡ và nhường chỗ cho người già, trẻ em, người tàn tật, phụ nữ có thai hoặc có con nhỏ.

5. Không được mang theo hàng hóa pháp luật cấm lưu thông, cấm vận tải chung với hành khách.

6. Chịu trách nhiệm về những hậu quả xảy ra do việc không tuân thủ các quy định, hướng dẫn về sử dụng áo phao, dụng cụ nổi cá nhân theo đúng quy cách khi tham gia giao thông bằng phương tiện vận tải hành khách ngang sông.

Điều 23. Xử lý tai nạn trong vùng nước bến khách ngang sông

Việc xử lý tai nạn trong vùng nước thuộc bến khách ngang sông thực hiện theo quy định tại Điều 28 Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Là cơ quan thường trực, tổ chức giám sát việc thực hiện Quy định này. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh vận tải hành khách trong khu du lịch và bến khách ngang sông trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và Quy định này.

2. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải các tỉnh có liên quan trong việc quản lý hoạt động kinh doanh vận tải hành khách trong khu du lịch và trên sông, hồ, kênh, rạch, đầm có liên quan đến các tỉnh theo quy định.

3. Chấp thuận chủ trương xây dựng bến khách ngang sông, cấp Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông thuộc phạm vi địa giới hành chính của tỉnh Đắk Lắk.

4. Hướng dẫn, theo dõi và kiểm tra đơn vị chức năng được giao quản lý hoạt động vận tải của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc thực hiện Quy định này và các quy định về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa trong khu du lịch và bến khách ngang sông.

5. Chỉ đạo lực lượng Thanh tra giao thông vận tải phối hợp với các lực lượng chức năng và chính quyền địa phương tăng cường kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm Quy định này và các quy định của pháp luật về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh.

6. Định kỳ 6 tháng (trước 15/7), cả năm (trước 15/01 của năm sau) hoặc đột xuất khi có yêu cầu, tổng hợp, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động kinh doanh vận tải hành khách trong các khu du lịch và bến khách ngang sông trên địa bàn tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Giao thông vận tải theo mẫu quy định tại *Phụ lục 4* ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 25. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Đảm bảo an ninh, trật tự đối với hoạt động của phương tiện vận tải du lịch đường thủy; quản lý lưu trú, quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện liên quan đến hoạt động của phương tiện vận tải du lịch đường thủy.

2. Tiếp nhận và xử lý kịp thời các thông tin có liên quan đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Chủ động kiểm tra, xử lý các phương tiện vận tải du lịch đường thủy có vi phạm về an toàn giao thông đường thủy nội địa, vi phạm về quản lý lưu trú và các vi phạm khác theo quy định của pháp luật. Trao đổi thông tin về người, phương tiện hoạt động du lịch có vi phạm về an ninh, trật tự, an toàn xã hội cho các cơ quan chức năng liên quan để tăng cường công tác phối hợp và quản lý.

3. Tổ chức kiểm tra, hướng dẫn các biện pháp an toàn về phòng cháy, chữa cháy tại bến khách du lịch đường thủy và các phương tiện vận tải hành khách du lịch đường thủy theo quy định và xử lý nghiêm các vi phạm về phòng cháy, chữa cháy.

4. Thực hiện các trách nhiệm quản lý có liên quan theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 26. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân kinh doanh bến khách du lịch đường thủy xây dựng giá thu dịch vụ hoặc phí và lệ phí (nếu có) trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

2. Tổ chức, cá nhân được thu phí dịch vụ, xây dựng mức thu gửi sở Tài chính thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

Điều 27. Trách nhiệm của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các cơ quan liên quan đề xuất các biện pháp giải quyết các phát sinh trong quá trình thực hiện Quy định này.
2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức tập huấn nghiệp vụ du lịch cho các thuyền viên, người lái phương tiện.
3. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các cơ quan có liên quan kiểm tra, xử lý vi phạm quy định về đảm bảo an toàn cho khách du lịch của các phương tiện và tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải khách du lịch bằng phương tiện thủy.
4. Chịu trách nhiệm trong việc kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ phục vụ khách; chất lượng tiêu chuẩn dịch vụ trên tàu du lịch.
5. Chủ trì, phối hợp Sở Giao thông vận tải và các cơ quan chức năng liên quan hướng dẫn cá nhân, tổ chức, đơn vị trong việc tổ chức các chương trình, sự kiện phục vụ du lịch đường thủy theo đúng quy định.
6. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc cung cấp vị trí các điểm du lịch, các cơ sở lưu trú du lịch, các điểm dừng, đỗ cho phương tiện thủy đón trả khách du lịch trên các tuyến đường thủy nội địa.
7. Đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh về chính sách khuyến khích tạo điều kiện thu hút các nhà đầu tư tham gia phát triển cơ sở hạ tầng du lịch thủy.

Điều 28. Trách nhiệm của các Sở, Ngành liên quan

Các sở, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức quản lý hoạt động vận tải hành khách đường thủy nội địa trong khu du lịch và bến khách ngang sông theo Quy định này.

Điều 29. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Chỉ đạo các cơ quan chức năng và Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và Quy định này; kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa trong khu du lịch và bến khách ngang sông trên địa bàn.
2. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh vận tải hành khách trong khu du lịch và bến khách ngang sông trên địa bàn.

3. Thực hiện chức năng quản lý hoạt động kinh doanh vận tải hành khách trong các khu du lịch thuộc phạm vi địa giới hành chính của cấp huyện.

4. Có ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất bằng văn bản theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải đối với nơi dự kiến xây dựng bến khách ngang sông thuộc phạm vi địa giới hành chính của cấp huyện.

5. Lập hồ sơ quản lý phương tiện hoạt động kinh doanh vận tải hành khách trong khu du lịch, hồ sơ quản lý bến khách ngang sông theo Quy định này.

6. Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong việc xác định điểm dừng, đỗ cho phương tiện thủy đón trả khách.

7. Tổ chức việc cứu người, phương tiện, hàng hóa và khắc phục hậu quả khi xảy ra tai nạn tại bến khách ngang sông, trên sông, hồ, kênh, rạch, đầm thuộc địa bàn quản lý.

8. Tổ chức tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân có năng lực tài chính, kinh nghiệm về kinh doanh vận tải khách ngang sông tham gia đấu thầu khai thác bến và đầu tư xây dựng bến khách ngang sông.

9. Ký hợp đồng khai thác bến với chủ khai thác bến khách ngang sông; tổ chức kiểm tra hoạt động của bến khách ngang sông, giá cước, phí vận tải áp dụng tại bến.

10. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm nếu để xảy ra mất an toàn giao thông đối với hoạt động của bến khách ngang sông thuộc địa bàn quản lý.

11. Định kỳ 6 tháng (trước 10/7), cả năm (trước 10/01 của năm sau) hoặc đột xuất khi có yêu cầu, tổng hợp, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động kinh doanh vận tải hành khách trong khu du lịch thuộc trách nhiệm quản lý và bến khách ngang sông trên địa bàn huyện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Giao thông vận tải) theo mẫu quy định tại *Phụ lục 4* ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 30. Điều khoản thi hành

1. Các Sở, ban, ngành trong tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ để lập kế hoạch tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, trường hợp có vướng mắc phát sinh thì các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Giao thông vận tải) để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../2019/QĐ-UBND ngày .../.../2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Tên đơn vị KD vận tải: CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

Đắk Lắk, ngày tháng năm

BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VẬN TẢI HÀNH KHÁCH TRONG KHU DU LỊCH

Thực hiện chế độ báo cáo quy định tại Quyết định số .../2019/QĐ-UBND ngày... tháng... năm 2019 của UBND tỉnh tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh vận tải hành khách trong các khu du lịch và bến khách ngang sông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk,(tên đơn vị vận tải).....báo cáo kết quả hoạt động vận tải của đơn vị trong tháng ... năm như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ghi chú
1	Số tuyến tham gia khai thác	tuyến	
2	Số lượng phương tiện	tàu	
3	Tổng số chuyến tàu thực hiện	chuyến	
	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch	%	
4	Số lượt hành khách vận tải	Hành khách	
	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch	%	
5	Doanh thu		
6	Lợi nhuận		

- Tình hình đảm bảo an toàn giao thông.
- Thuận lợi, khó khăn:.....
- Đề xuất, kiến nghị:.....

Nơi nhận:

- Sở GTVT;
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- UBND huyện (TP, TX).....;
- Lưu: VT.

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 2

(Ban hành kèm theo Quyết định số/2019/QĐ-UBND ngày .../.../2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Tên đơn vị KD vận tải: CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

Đắk Lắk, ngày tháng năm

BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG BẾN KHÁCH NGANG SÔNG (Dành cho chủ khai thác bến)

Thực hiện chế độ báo cáo quy định tại Quyết định số .../2019/QĐ-UBND ngày..... tháng năm 2019 của UBND tỉnh tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh vận tải hành khách trong các khu du lịch và bến khách ngang sông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk,(tên đơn vị vận tải)....báo cáo kết quả hoạt động bến khách ngang sông trong tháng nămnhư sau:

1. Tình hình hoạt động của bến
 - Số đơn vị tham gia khai thác.
 - Số lượng phương tiện, trọng tải
 - Tổng số chuyến tàu thực hiện
 - Tổng lượt hành khách thông qua bến
 - Doanh thu, lợi nhuận.
2. Công tác đảm bảo an toàn giao thông
 - Chấp hành quy định về đảm bảo TTATGT như: không xếp hàng, chờ quá số người quy định; chứng chỉ nghiệp vụ của lái tàu; tình trạng kỹ thuật an toàn của phương tiện....
 - Tình hình TNGT và công tác cứu hộ, cứu nạn (nếu có).
3. Chấp hành các quy định bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ và phòng chống lụt bão
4. Thuận lợi, khó khăn:.....
5. Đề xuất, kiến nghị:.....

Nơi nhận:

- UBND huyện (TP, TX).....;
-
- Lưu: VT.

**Đại diện đơn vị chủ khai thác bến
khách ngang sông**
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 3

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../2019/QĐ-UBND ngày .../.../2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Tên đơn vị KD vận tải: CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

Đắk Lắk, ngày tháng năm

BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG BẾN KHÁCH NGANG SÔNG

1. Tình hình hoạt động bến khách ngang sông

TT	Tên bến	Vị trí bến (km thuộc bờ phải hay trái của sông,)	Địa chỉ	Tên chủ bến	Tên chủ khai thác bến	Số giấy phép; ngày phép;	Ngày hết hạn	Tình hình hoạt động hiện nay của bến	Số đăng ký phương tiện tham gia hoạt động tại bến	Sức chở phương tiện	Tên chủ phương tiện
1											
2											
....											

2. Tình hình hoạt động bến dân sinh (nếu có)

TT	Tên bến	Vị trí bến	Địa chỉ	Tên hộ gia đình khai thác bến	Loại phương tiện vận chuyển	Sức chở phương tiện
1						
2						
...						

3. Sản lượng vận tải

4. Công tác đảm bảo an toàn giao thông

5. Thuận lợi, khó khăn:.....

6. Đề xuất, kiến nghị:.....

Nơi nhận:

- Sở GTVT;
-;
- Lưu: VT.

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

(Ban hành kèm theo Quyết định số/2019/QĐ-UBND ngày .../.../2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-SGTVT

Đắk Lắk, ngày tháng năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG BẾN KHÁCH NGANG SÔNG

1. Tình hình hoạt động bến khách ngang sông

TT	Tên bến	Vị trí bến (km ... thuộc bờ phải hay trái của sông)	Địa chỉ	Tên chủ bến	Tên chủ khai thác bến	Số giấy phép; ngày phép;	Ngày hết hạn	Tình hình hoạt động hiện nay của bến	Số đăng ký phương tiện tham gia hoạt động tại bến	Sức chở phương tiện	Tên chủ phương tiện
1											
2											
...											

2. Tình hình hoạt động bến dân sinh (nếu có)

TT	Tên bến	Vị trí bến	Địa chỉ	Tên hộ gia đình khai thác bến	Loại phương tiện vận chuyên	Sức chở phương tiện
1						
2						
....						

3. Tình hình cấp phép hoạt động bến khách ngang sông

TT	Tên bến	Bến đang hoạt động trên địa bàn đến thời điểm báo cáo
----	---------	---

		Đã cấp phép		Chưa cấp phép
		Còn hạn	Hết hạn	

4. Sản lượng vận tải

5. Công tác đảm bảo an toàn giao thông

6. Thuận lợi, khó khăn:

7. Đề xuất, kiến nghị:

Nơi nhận:

- Bộ GTVT;
- UBND tỉnh;
- Cục ĐTNĐVN;
- Lưu VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)